

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS-ST

Ngày: 25 - 4 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Minh Linh và ông Trần Ngọc Tuấn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2024/TLST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-DS ngày 21/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 04/4/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1984. Địa chỉ: TN30 T, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

* *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1978. Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2024, có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1985. Hộ khẩu thường trú: khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Chỗ ở hiện nay: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/9/2023, bà Lê Thị Mỹ D ký kết hợp đồng vay vốn số KH23009/1/9 với bà Phạm Thị Kim L để vay số tiền 20 triệu đồng, thời gian vay 03 tháng (từ ngày 06/9/2023 đến ngày 05/12/2023) với hình thức trả góp theo ngày; lãi suất: 1,75%/tháng, mỗi ngày góp 234.000đ, ngày cuối: 224.000đ. Bà L đã giải ngân đầy đủ số tiền này cho bà D.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 30/10/2023 bà D đã trả được cho bà L 9.594.000đ. Tuy nhiên, kể từ 15/11/2023 đến nay, bà D không tiếp tục thực hiện việc trả nợ mặc dù đã được bà L nhắc nhở nhiều lần.

Tính đến ngày 25/4/2025, bà D còn nợ bà L tổng số tiền: 15.719.000đ (trong đó tiền gốc: 10.406.000đ; lãi trong hạn: 986.000đ; lãi quá hạn: 4.327.000đ).

Do đó, tại phiên tòa sơ thẩm, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Mỹ D phải trả cho bà L tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/4/2025 là 15.719.000đ và phải tiếp tục chịu các khoản lãi theo quy định kể từ ngày 26/4/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngoài ra, bà L không có ý kiến hay yêu cầu nào khác

Bị đơn là bà Lê Thị Mỹ D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà D nhưng bà D không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

- Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào toàn bộ hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 86, Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/4/2025 là 15.719.000đ và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 26/4/2025 cho đến khi trả hết nợ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại huyện N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Lê Thị Mỹ D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Căn cứ Hợp đồng vay tiền số KH23009/1/9 ngày 06/9/2023, giấy nhận nợ bản gốc ngày 06/9/2023 có chữ ký của bên vay là bà Lê Thị Mỹ D có cơ sở xác định: Ngày 06/9/2023, bà Lê Thị Mỹ D có vay số tiền 20 triệu đồng của bà với bà Phạm Thị Kim L, thời gian vay 03 tháng (từ ngày 06/9/2023 đến ngày 05/12/2023) với hình thức trả góp theo ngày; lãi suất: 1,75%/tháng, mỗi ngày góp 234.000đ, ngày cuối: 224.000đ. Bà L đã giải ngân đầy đủ số tiền này cho bà D. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 30/10/2023 bà D đã trả được cho bà L 9.594.000đ. Sau đó, bà D đã vi phạm hợp đồng, không tiếp tục trả nợ vay cho bà L theo nội dung đã thỏa thuận.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo quy định tại các điều 93, 94 và 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ D có mặt tại địa phương, được Tòa án thông báo hợp lệ về việc khởi kiện, nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án. Do đó, bà D đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bà L xác nhận bà D đã trả được số tiền 9.594.000đ và đồng ý trừ vào số tiền nợ gốc cho bị đơn, đây là tình tiết có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền nợ gốc là 10.406.000đ. Do đó, nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn bà D trả số tiền gốc 10.406.000đ là có cơ sở để chấp nhận.

- Đối với lãi trong hạn: Theo hợp đồng vay, các bên thỏa thuận mức lãi suất 1,75%/tháng, tương ứng với 21%/năm là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án áp dụng mức lãi suất 20%/năm. Xét thấy mức lãi suất này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, số tiền lãi trong hạn bà D còn nợ bà L là 986.000đ (cách tính $20.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 90 \text{ ngày}$).

- Về lãi quá hạn: do bị đơn không trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu khoản lãi quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 06/12/2023 đến nay với mức lãi suất 30%/năm với tổng số tiền là 4.327.000đ (làm tròn) (cách tính $10.406.000đ \times 506 \text{ ngày} \times 30\% / \text{năm} : 365 \text{ ngày}$). Yêu cầu này phù hợp theo quy định điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với yêu cầu tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay cho đến khi thanh

toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 786.000đ án phí dân sự sơ thẩm, đã làm tròn (cách tính: 15.719.000đ x 5%). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các nhận định trên, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463; 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban T2;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L đối với bị đơn bà Lê Thị Mỹ D.

Buộc bà Lê Thị Mỹ D phải trả cho bà Phạm Thị Kim L tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25/4/2025 là 15.719.000đ (mười lăm triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng), trong đó nợ gốc: 10.406.000đ, nợ lãi trong hạn: 986.000đ; lãi quá hạn: 4.327.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/4/2025) bà Lê Thị Mỹ D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh (nợ lãi quá hạn) đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn là 30%/năm.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ D phải nộp 786.000 đồng (*bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phạm Thị Kim L số tiền 330.000 đồng (*Ba trăm ba mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0003840 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/4/2025). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHADS huyện Ninh Hải;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Thành